

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2024

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lại Hữu Tâm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Thuận** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 541/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 624/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 518/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Yến Ch**, sinh năm: 1989 (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông **Võ Tuấn C**, sinh năm: 1986 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Đỗ Thị Yến Ch trình bày: Bà Ch và ông Võ Tuấn C bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2013 có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thời gian đầu, bà Ch và ông C chung sống bình thường, không có gì

xảy ra. Đến năm 2018, bà Ch và ông C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Bà Ch và ông C đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Ch được ly hôn với ông Võ Tuấn C.

Về con chung: Bà Ch và ông C có 01 con chung tên Võ Minh H (nam), sinh ngày 24/7/2014. Sau khi ly hôn, bà Ch yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Minh H và bà không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Tuấn C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông C.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị Yến Ch nộp đơn xin ly hôn đối với ông Võ Tuấn C. Ông Võ Tuấn C hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đỗ Thị Yến Ch có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Yến Ch theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Võ Tuấn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Tuấn C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Võ Tuấn C đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Đỗ Thị Yên Ch với ông Võ Tuấn C nhưng ông C không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Võ Tuấn C tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Võ Tuấn C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2016 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp ngày 22/01/2016 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Yên Ch và ông Võ Tuấn C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ch và ông C không thể hàn gắn được, nên bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông C để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Ch thì giữa bà Ch và ông C phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Bà Ch và ông C đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Võ Tuấn C. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông C cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Yên Ch đối với ông Võ Tuấn C.

[6] Về con chung: Bà Đỗ Thị Yên Ch và ông Võ Tuấn C có 01 con chung tên Võ Minh H (nam), sinh ngày 24/7/2014. Sau khi ly hôn, bà Ch yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Minh H và bà không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông C vắng mặt không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà Ch. Trẻ Võ Minh H cũng có mong muốn sống chung với bà Ch sau khi hai vợ chồng ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ch, giao trẻ Võ Minh H (nam), sinh ngày 24/7/2014 cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Tuấn C.

[7] Về tài sản chung: Bà Ch xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Ch xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Đỗ Thị Yến Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Yến Ch đối với ông Võ Tuấn C.

Bà Đỗ Thị Yến Ch được ly hôn với ông Võ Tuấn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2016 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp ngày 22/01/2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Yến Ch và ông Võ Tuấn C có 01 con chung tên Võ Minh H (nam), sinh ngày 24/7/2014. Bà Đỗ Thị Yến Ch được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Minh H; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Tuấn C.

Ông Võ Tuấn C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Ch xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Ch xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đỗ Thị Yến Ch chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Ch đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0019925 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ch đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ch và ông C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Định